

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; khung giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2165/TTr-STC ngày 01 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; khung giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đối với các trường hợp sau:

a. Nhà nước cho thuê đất gồm đất trên bề mặt và phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất theo quy định của Luật Đất đai.

b. Nhà nước cho thuê đất để xây dựng công trình trong lòng đất có mục đích kinh doanh mà công trình này không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất theo quy định của Luật Đất đai.

c. Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng đang sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất.

d. Nhà nước gia hạn thời gian thuê đất cho các đối tượng đang thuê thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất.

đ. Chuyển từ hình thức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, giao đất không thu tiền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 (ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành) sang hình thức Nhà nước cho thuê đất. ✓

e. Nhà nước cho thuê mặt nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Luật Đất đai.

Điều 2. Tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; khung giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất một năm:

a) Tỷ lệ 1,0% đối với đất tại các xã, phường thuộc thành phố Đồng Hới;

b) Tỷ lệ 0,9% đối với đất tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy; thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh; thị trấn Hoàn Lão huyện Bố Trạch; phường Ba Đồn, phường Quảng Thọ thị xã Ba Đồn;

c) Tỷ lệ 0,8% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn: Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa; thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa; thị trấn Nông trường Việt Trung, thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch; thị trấn nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy; xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh; xã Lý Trạch, xã Trung Trạch, xã Đại Trạch, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch; các phường còn lại của thị xã Ba Đồn;

d) Tỷ lệ 0,7% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, đ tại Khoản 1 Điều này.

đ) Tỷ lệ 0,5% đối với:

- Đất tại các xã thuộc huyện Minh Hóa;

- Đất tại các xã thuộc huyện Tuyên Hóa;

- Đất tại các xã: Quảng Hợp, Quảng Tiến, Cảnh Hóa, Quảng Kim, Quảng Thạch, Quảng Châu, Phù Hóa thuộc huyện Quảng Trạch;

- Đất tại các xã: Quảng Sơn, Quảng Văn, Quảng Trung, Quảng Minh thuộc thị xã Ba Đồn;

- Đất tại các xã: Phúc Trạch, Sơn Lộc, Tân Trạch, Lâm Trạch, Liên Trạch, Hưng Trạch, Thượng Trạch, Xuân Trạch, Phú Định, Mỹ Trạch thuộc huyện Bố Trạch;

- Đất tại các xã: Trường Xuân, Trường Sơn, Hải Ninh; Duy Ninh, Hiền Ninh thuộc huyện Quảng Ninh;

- Đất tại các xã: Kim Thủy, Trường Thủy, Thái Thủy, Ngân Thủy, Lâm Thủy, Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy, Sen Thủy, Hồng Thủy, Hưng Thủy thuộc huyện Lệ Thủy;

- Đất tại các địa bàn thuộc các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này nhưng sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật;

2. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước bằng 70% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

3. Khung giá thuê mặt nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Giá cho thuê mặt nước cụ thể cho từng dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Đối với các trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và đang trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì không thực hiện xác định lại đơn giá thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; khung giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư Pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình;
- Đài Phát thanh - Truyền hình QB;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

